

Số: /SYT- NVY

Thanh Hóa, ngày tháng 10 năm 2020

V/v giám sát công tác y tế
trường học

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố: TP Thanh Hóa, Nông Cống, Hà Trung, Hậu Lộc, Đông Sơn, Ngọc Lặc, Bim Sơn, Như Xuân, Yên Định, Thọ Xuân, Như Thanh, Vĩnh Lộc;
- Phòng Y tế, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã: TP Thanh Hóa, Nông Cống, Hà Trung, Hậu Lộc, Đông Sơn, Ngọc Lặc, Bim Sơn, Như Xuân, Yên Định, Thọ Xuân, Như Thanh, Vĩnh Lộc.

Thực hiện Kế hoạch số 2767/KHLN-SYT-SGDĐT ngày 28/8/2020 của Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phối hợp thực hiện công tác y tế trường học năm học 2020 – 2021 và những năm tiếp theo; Để có cơ sở đánh giá và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai công tác y tế trường học (sau đây gọi tắt là YTTH), Sở Y tế tổ chức đoàn giám sát công tác YTTH tại một số đơn vị, cụ thể như sau:

1. Thành phần đoàn:

- Sở Y tế: Phòng Nghiệp vụ Y, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.
- Sở Giáo dục và Đào tạo: Cán bộ phụ trách/đầu mối công tác YTTH của Sở.
- Các địa phương/đơn vị được giám sát:
 - + Phòng Giáo dục và Đào tạo: Đại diện Lãnh đạo và Cán bộ phụ trách/đầu mối công tác YTTH;
 - + Trưởng phòng Y tế;
 - + Trung tâm Y tế huyện, thị xã: Đại diện Lãnh đạo, cán bộ chuyên trách YTTH được giám sát.
 - + Trạm Y tế: Trưởng trạm hoặc cán bộ phụ trách công tác YTTH.
 - + Hiệu trưởng, cán bộ phụ trách/đầu mối công tác YTTH của nhà trường.

2. Nội dung giám sát:

- Việc thực hiện công tác y tế trường học theo quy định của Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành về công tác y tế trường học (*Bảng kiểm đính kèm*)

- Lấy mẫu nước sinh hoạt, phục vụ ăn uống để xét nghiệm.

3. Thời gian và địa điểm giám sát:

- Thời gian: Dự kiến Tháng 11/2020.

- Tiến hành kiểm tra tại một số trường học trên địa bàn 12 huyện, thị xã, thành phố sau: TP Thanh Hóa, Đông Sơn, Nông Cống, Hà Trung, Hậu Lộc, Ngọc Lặc, Bim Sơn, Như Xuân, Yên Định, Thọ Xuân, Như Thanh, Vĩnh Lộc;

+ Thời gian và địa điểm cụ thể sẽ được xây dựng hàng tuần, căn cứ vào địa phương và kế hoạch công tác tuần của Trưởng đoàn kiểm tra.

+ Thư ký đoàn sẽ thông báo trước thời gian các đơn vị kiểm tra, giám sát cho nhà trường và các thành viên đoàn kiểm tra.

Để phối hợp thực hiện công tác giám sát có hiệu quả, Sở Y tế đề nghị:

- Sở Giáo dục và Đào tạo:

+ Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo cử cán bộ tham gia giám sát, các trường học chuẩn bị báo cáo theo phụ lục đính kèm.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: Cử cán bộ tham gia đoàn giám sát;

- Trung tâm Y tế huyện, thị xã: Cử Lãnh đạo và cán bộ đầu mối tham gia; chỉ đạo Trường Trạm Y tế chuẩn bị báo cáo, tham dự làm việc khi đoàn thực hiện giám sát tại địa phương.

4. Sở Y tế gửi kèm các tài liệu sau:

- Danh sách đoàn giám sát;

- Bảng kiểm giám sát để các đơn vị chuẩn bị .

Đề nghị các trường học chuẩn bị báo cáo, tài liệu, hồ sơ, sổ sách liên quan để phục vụ công tác giám sát.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị liên hệ Ths. Hà Thị Mai, SĐT 0915908517 để được giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên (th/h);
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Website của ngành;
- Lưu: VT, NVYhtm (02).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Bá Cẩn

DANH SÁCH ĐOÀN GIÁM SÁT CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC
(Kèm theo Công văn số /10/2020 của Sở Y tế)

TT	Họ tên	Chức vụ và đơn vị công tác	Thành phần
1	Ông: Trịnh Việt Trung	Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế	Trưởng đoàn
2	Ông: Đinh Ngọc Quý	Phó Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Phó Trưởng đoàn
3	Bà: Hà Thị Mai	Chuyên viên phòng Nghiệp vụ Y – Sở Y tế	Thành viên
4	Ông: Nguyễn Trung Thực	Chuyên viên phòng Chính trị, tư tưởng Sở GD&ĐT	Thành viên
5	Ông: Nguyễn Danh Phương	Trưởng khoa SKMT&YTTH Trung tâm KSBT	Thư ký
6	Ông: Nguyễn Trường An	Khoa SKMT&YTTH Trung tâm KSBT	Thành viên
7	Bà: Nguyễn Thị Nguyệt	Khoa SKMT&YTTH Trung tâm KSBT	Thành viên
8	Bà: Nguyễn Thị Quế	Khoa SKMT&YTTH Trung tâm KSBT	Thành viên

Kính mời đại diện Lãnh đạo, chuyên viên phụ trách/đầu mối công tác YTTH của các phòng GD&ĐT; Trưởng phòng Y tế; Đại diện Lãnh đạo, cán bộ chuyên trách YTTH của Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố các địa phương được giám sát; Trưởng trạm Y tế hoặc cán bộ phụ trách công tác YTTH trạm Y tế tham gia.

BÁO CÁO THỰC TRẠNG CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC
(Số liệu báo cáo năm học 2019 – 2020 và tính đến ngày 15/10/2020)

I. Thông tin chung

1. Tên Trường

Quận/huyện Tỉnh/thành phố

2. Tổng số lớp: Tổng số học sinh

Tổng số giáo viên:.....

3. Ban chăm sóc sức khỏe học sinh: Có Không

4. Nhân viên y tế trường học: Có Không

5. Kế hoạch phối hợp công tác YTTH được phê duyệt:
Có Không

1. Kinh phí thực hiện

TT	Nội dung	Số tiền		Ghi chú
1	Tổng số kinh phí			
2	Nguồn NSNN			
3	Nguồn bảo hiểm y tế			
4	Nguồn kinh phí khác			

II. Điều kiện, cơ sở vật chất

1. Điều kiện chăm sóc sức khỏe

TT	Nội dung	Có	Không	Ghi chú
1	Phòng y tế trường học			
2	Vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu			
3	Có ít nhất 01 giường để sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh			
4	Có vật tư y tế thiết yếu (Bông, gạc, băng, nẹp, găng tay, dung dịch sát khuẩn...) để thực hiện sơ cấp cứu khi cần			

5	Có sổ khám bệnh			
6	Có sổ theo dõi sức khỏe học sinh			
7	Có sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh			
8	Cập nhật thường xuyên tình hình sức khỏe			
9	Có hợp đồng với Trạm Y tế xã, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ hình thức PKĐK trở lên để CSSK học sinh.			

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường

TT	Nội dung	Đạt	Không đạt	Ghi chú
1	Điều kiện về phòng học			
2	Điều kiện về phòng thí nghiệm			
3	Điều kiện về phòng tin học			
4	Điều kiện về bàn ghế phòng học			
5	Điều kiện về bàn ghế phòng thí nghiệm			
6	Điều kiện về bàn ghế phòng tin học			
7	Điều kiện về bảng phòng học			
8	Cường độ chiếu sáng			
9	Cường độ tiếng ồn			
10	Điều kiện về ngủ/nghỉ của HSMN và Tiểu học có bán trú			
	10.1. Phấn/chiếu/nệm, gối, chăn đảm bảo			
	10.2. Không có côn trùng (muỗi, ruồi, gián, kiến....)			
11	Điều kiện về thiết bị, đồ chơi trẻ em			
12	Đủ nước uống			
13	Đủ nước sinh hoạt			
14	Khu vực vệ sinh riêng cho học sinh và giáo			

	viên, riêng biệt cho nam và nữ			
15	Mỗi khu vệ sinh nhà tiêu, nhà tiêu, khu rửa tay có nước sạch, xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn			
16	Nhà tiêu đảm bảo hợp vệ sinh			
17	Số lượng nhà tiêu, tiêu đảm bảo 01 tiêu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho từ 20-30 học sinh. Đối với học sinh nữ tối đa 20 học sinh/1 chậu xí			
18	Lối vào nhà vệ sinh không đối diện lối vào phòng học, phòng bộ môn			
19	Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không có nước ứ đọng xung quanh trường lớp			
20	Có thùng chứa rác và phân loại rác thải			
21	Có hợp đồng với các cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt			

III. Hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học sinh

1. Theo dõi sức khỏe học sinh

TT	Nội dung	Tổng số	Tỷ lệ %	Ghi chú
3.	Khám sức khỏe đầu vào			
4.	Khám sức khỏe định kỳ			

2. Tình hình bệnh tật trong năm

TT	Nguy cơ sức khỏe	Tổng số	Tỷ lệ %	Ghi chú
1.	Suy dinh dưỡng			
2.	Thừa cân, béo phì			
3.	Bệnh răng miệng			
4.	Bệnh về mắt			
5.	Tim mạch			

6.	Hô hấp			
7.	Tâm thần - thần kinh			
8.	Bệnh cơ xương khớp			
9.	Khác (ghi rõ)			
Cộng				

3. Tình hình dịch, bệnh truyền nhiễm trong năm

TT	Tên dịch bệnh	Tổng số mắc	Số tử vong	Ghi chú
1.	Tiêu chảy			
2.	Tay chân miệng			
3.	Sởi			
4.	Quai bị			
5.	Khác (<i>ghi rõ</i>)			
Cộng				

4. Tai nạn thương tích trong năm

TT	Loại tai nạn thương tích	Tổng số	Tỷ lệ %	Ghi chú
1.	Trượt, ngã			
2.	Bỏng			
3.	Đuối nước			
4.	Điện giật			
5.	Súc vật cắn			
6.	Ngộ độc			
7.	Hóc dị vật			
8.	Cắt vào tay chân			
9.	Bị đánh			
10.	Tai nạn giao thông			
11.	Khác (<i>ghi rõ</i>)			

	Cộng		
--	-------------	--	--

5. Vệ sinh an toàn thực phẩm

- Trường có tổ chức ăn bán trú/nội trú: Có không

- Xây dựng thực đơn dinh dưỡng hợp lý: Có không

(Xem sổ thực đơn)

TT	Nội dung	Đạt	Không đạt	Ghi chú
1	Nhà ăn, căng tin thông thoáng, đủ ánh sáng, cửa sổ có lưới chống chuột, ruồi nhặng, côn trùng			
2	Nhà bếp có khu sơ chế nguyên liệu, khu chế biến nấu nướng, khu bảo quản thức ăn, kho nguyên liệu, bảo quản thực phẩm			
3	Nơi chế biến thức ăn được thiết kế theo nguyên tắc 1 chiều, có đủ dụng cụ chế biến, bảo quản, sử dụng riêng với thực phẩm sống và thức ăn chín			
4	Tường, trần bằng phẳng, nhẵn, thuận tiện làm vệ sinh			
5	Bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện trong nhà ăn, căng tin làm bằng vật liệu dễ cọ rửa			
6	Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại			
7	Có phương tiện, dụng cụ để phân loại, bảo quản và lưu giữ thực phẩm			
8	Có lưu mẫu thức ăn theo quy định			
9	Có đủ phương tiện, trang thiết bị phục vụ làm vệ sinh, khử trùng			
10	Có nguồn nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn			

11	Nhân viên nhà bếp, căng tin có giấy chứng nhận tập huấn về an toàn thực phẩm			
12	Nhân viên nhà bếp, căng tin có giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế			
13	Người trực tiếp làm tại nhà ăn, nhà bếp có mặc trang phục bảo hộ			
14	Ký hợp đồng với các cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm để cung cấp suất ăn cho học sinh (Trường hợp trường không tự cung cấp suất ăn)			

IV. Công tác khác

1. Tiêm chủng phòng bệnh trong các chiến dịch tại trường

TT	Loại vắc xin	Tổng số học sinh cần tiêm	Số học sinh được tiêm	Tỷ lệ %
1				
2				
3				
4				
5			

2. Triển khai các biện pháp vệ sinh phòng bệnh

TT	Nội dung	Số lượt/năm	Ghi chú
1	Tổng vệ sinh trường lớp		
2	Phun hóa chất diệt côn trùng		
3	Vệ sinh khử trùng đồ chơi, đồ dùng học tập		
4	Vệ sinh nhà ăn, nhà bếp		
5	Vệ sinh nguồn nước		

6	Thu gom, xử lý rác thải		
7	Khác (<i>ghi rõ</i>)		

3. Triển khai các chương trình y tế và phong trào vệ sinh phòng bệnh

TT	Nội dung	Có	Không	Ghi chú
1	Phòng chống HIV/AIDS			
2	Phòng chống tai nạn thương tích			
3	Phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm			
4	Phòng chống suy dinh dưỡng			
5	An toàn thực phẩm			
6	Phòng chống thuốc lá			
7	Phòng chống rượu bia			
8	Xây dựng Trường học nâng cao sức khỏe			
9	Khác (<i>ghi rõ</i>)			

4. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe

Có góc truyền thông giáo dục sức khỏe: Có Không

Có tài liệu, nội dung truyền thông GDSK phù hợp với tình hình dịch bệnh của địa phương: Có

Không

TT	Nội dung	Có	Không	Ghi chú
1	Phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm			
2	Phòng chống ngộ độc thực phẩm			
3	Dinh dưỡng hợp lý			
4	Hoạt động thể lực nâng cao sức khỏe			

5	Phòng chống tác hại thuốc lá			
6	Phòng chống tác hại rượu bia			
7	Phòng chống bệnh, tật học đường			
8	Chăm sóc răng miệng			
9	Phòng chống các bệnh về mắt			
10	Phòng chống tai nạn thương tích			
11	Khác (<i>ghi rõ</i>)			

V. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai công tác y tế trường học

.....
.....
.....
.....

VI. Đề xuất kiến nghị của trường

.....
.....
.....
.....

HIỆU TRƯỞNG

